

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

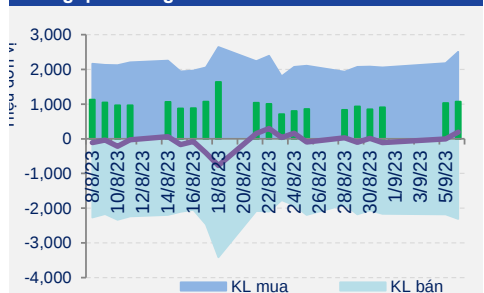
6/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

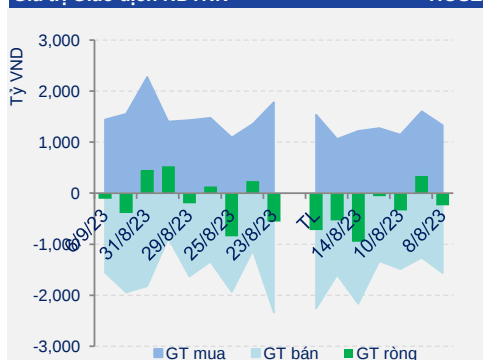
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,245.50	255.36
% Thay đổi	↑ 0.85%	↑ 1.22%
KLGD (CP)	1,074,138,348	120,158,694
GTGD (tỷ đồng)	25,165.29	2,411.07
Tổng cung (CP)	2,312,124,468	177,042,700
Tổng cầu (CP)	2,505,413,940	159,812,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,255,456	564,268
KL mua (CP)	50,371,838	793,600
GT mua (tỷ đồng)	1,441.12	26.53
GT bán (tỷ đồng)	1,552.35	13.47
GT ròng (tỷ đồng)	(111.23)	13.05

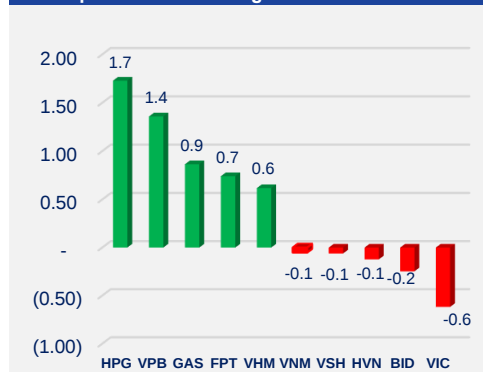
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên tăng điểm mạnh đầu tháng 9, VN-INDEX tiếp xu hướng tăng điểm; đầu phiên VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá lên 1.237 điểm, điều chỉnh nhẹ kiểm tra lại vùng 1.230 điểm trong phiên và duy trì tăng điểm tốt dưới ảnh hưởng tích cực từ VN30 khi VN30 đã vượt đỉnh giá tháng 08/2023. Kết phiên VN-INDEX tăng 10,52 điểm (+0,85%) lên mức 1.245,50 điểm với thanh khoản gia tăng tích cực, kỳ vọng vượt đỉnh giá cao nhất tháng 08/2023 tương tự VN30. HNX-INDEX tăng tốt 3,08 điểm (+1,22%) lên 255,36 điểm để hướng đến vùng giá thấp nhất tháng 06/2022 quanh 263 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 460 mã tăng giá (23 mã tăng trần), 213 mã giảm giá (01 mã giảm sàn) và 141 mã giữ giá tham chiếu.

Dòng tiền vào thị trường tiếp tục tăng trở lại khi VN-INDEX lại vượt lên vùng giá đỉnh năm 2018 và kỳ vọng vượt đỉnh tháng 08/2023. Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 27.563,39 tỉ đồng, tăng 2,92% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE với giá trị 111,23 tỉ đồng, trong đó tập trung nhiều ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán, bất động sản; mua ròng trên HNX với giá trị 13,05 tỷ đồng.

Cổ phiếu ngành thép mặc dù chịu áp lực bán ròng của khối ngoại nhưng đã có diễn biến nổi bật trong phiên giao dịch hôm nay khi nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ tháng 08 và 07/2023 với thanh khoản đột biến, góp phần tích cực đến VN30 vượt đỉnh giá tháng 08, nổi bật như HPG (+4,32%), VGS (+9,47%), NKG (+6,82%), HSG (+6,77%), TLH (+6,37%)...

Bên cạnh đó nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán với thông tin Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức họp về các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam và hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm tổ chức vào ngày 07/09/2023, đồng thời với thanh khoản duy trì vượt mức 01 tỷ USD/phiên tiếp tục có diễn biến vượt trội so với thị trường chung, nhiều mã tăng mạnh hướng đến vùng đỉnh giá tháng 03/04/2022 như FTS (+6,90%), BSI (+5,08%), CTS (+4,35%), VDS (+4,23%)...

Các cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến tăng giá tích cực sau khi giá dầu tăng trước thông tin cắt giảm sản lượng, nổi bật như BSR (+2,99%), vượt đỉnh tháng 8, PVP (+3,65%), PVC (+2,17%), GAS (+1,91%).

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, đa số có diễn biến tăng giá tích cực, thanh khoản vượt mức trung bình với NHA (+6,90%), QCG (+6,74%), HDC (+4,97%), TCH (+2,69%)...ngoài các mã giảm giá như SJS (-2,52%), VIC (-1,12%), HDG (-0,97%)... Các cổ phiếu bất động sản, khu công nghiệp, cao su có diễn biến tích cực hơn, nhiều mã tăng giá với thanh khoản cải thiện mạnh trong phiên chiều như DPR (+4,80%), LHG (+4,32%), DTD (+4,04%), TIP (+3,91%), VGC (+3,70%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 tăng mạnh 20,5 điểm (+1,65%), chênh lệch đảo chiều dương 2,97 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh 42,61% so với phiên trước, ở mức trung bình. Cho thấy các vị thế mua đầu cơ trong phiên tăng mạnh và tâm lý nhà đầu tư đang rất lạc quan ngắn hạn đối với VN30, điều này cũng hàm ý VN30 có thể có ro điều chỉnh ngắn hạn trở lại. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ 0,27 điểm đến -11,03 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn thu hẹp. Cho thấy các trader lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30. Giá tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn ở thị trường phái sinh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Xu hướng hồi phục tiếp tục diễn ra với phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp của VnIndex, chốt phiên VnIndex tăng +10,52 điểm (+0,85%) và đóng cửa ở 1.245,50 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn nhịp hồi phục diễn ra như chúng tôi đã dự báo và chỉ số gần như đã tiệm cận ngưỡng cản 1.250 điểm và ở giai đoạn hiện tại xét theo góc nhìn kỹ thuật rủi ro VnIndex sẽ có rung lắc để hình thành nền tích lũy trước ngưỡng cản dài hạn 1.300 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định uptrend của thị trường vẫn duy trì tốt và ở góc độ nào đó nhịp điều chỉnh mạnh vừa qua đã giúp thị trường rũ bỏ và tích lũy lại và tạo nhịp tăng ngắn hạn trước khi đi vào vùng tích lũy mới, nhịp điều chỉnh mạnh còn cần thiết để thị trường rũ bỏ đeo bám trước ngưỡng cản mạnh 1.300 điểm. Trước mắt thị trường sẽ hồi phục ngắn hạn và sau đó cần tạo thành khu vực tích lũy mới để tích lũy nổi lực trước khi vượt cản mạnh.

Về vĩ mô, với những thông tin tích cực về quyết tâm của Chính phủ duy trì tăng trưởng kinh tế năm nay đạt mục tiêu đề ra là thông tin kích thích đối với giới đầu tư, tuy nhiên những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ tích cực. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan..., điểm tích cực là nhiều tổ chức tài chính lớn đang nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu dù tốc độ tăng trưởng vẫn không cao.. về tổng thể nhìn chung tâm lý giới đầu tư vẫn đang khá lạc quan và có niềm tin về chu kỳ hồi phục kinh tế.

Trong ngắn hạn thị trường tiệm cận ngưỡng cản của Vnindex quanh 1.250 điểm và có khả năng sẽ xuất hiện các phiên rung lắc, do đó rủi ro ngắn hạn đang tăng lên nên nhà đầu tư ngắn hạn cần thận trọng khi giao dịch tại vùng điểm số hiện tại. Với nhà đầu tư trung, dài hạn nhà đầu tư nếu bám sát các bản tin và khuyến nghị của chúng tôi thì hoàn toàn cơ cấu xong danh mục, nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ nền tích lũy hình thành tiếp theo, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
CTG	32.65	30-30.8	35-37	28	8.9	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	48.60	43-45	55-57	41	12.2	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	39.15	31-32.5	42-43	29	6.7	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.20	11.5-13	15.5-16	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	30.90	25-27	33-34	22	6.3	-38.6%	-35.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	51.30	46-48	57-59	43	7.8	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
VIC	61.60	61-64	79-82	56	43.8	252.2%	-45.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	69.9	54.8	74-76	66	27.6%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	34.4	28.05	34-35	32	22.6%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.0	29.1	32-33	28	-0.5%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	80.0	72.95	87-89	77	9.7%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.7	30.6	35-37	31	6.7%	Nắm giữ
28/8/23	DTD	30.9	26.8	33-34	29	15.3%	Nắm giữ
28/8/23	VIC	61.6	63.1	79-82	59	-2.4%	Nắm giữ

**TIN VÍ MÔ**

Đã chi hơn 140.000 tỷ đồng lương hưu, trợ cấp

Chính phủ vừa có báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội năm 2022. Quỹ hưu trí và tử tuất đã chi trả cho hơn 2,2 triệu người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trong năm 2022, với số tiền hơn 141,6 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 10% so với năm 2021, theo báo cáo của Chính phủ...

Đã giải ngân gần 26.800 tỷ đồng dự án cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2

Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải vừa cho biết thông tin trên, đồng thời nói thêm rằng tính đến nay các địa phương dự án đã bàn giao được hơn 90% mặt bằng cho dự án. Tính đến hết tháng 8/2023, dự án cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2 (2021 – 2025) đã giải ngân được khoảng 26.800 tỷ đồng, đạt gần 60% kế hoạch giao; riêng năm 2023 giải ngân được 7.000 tỷ đồng, đạt 47% vốn kế hoạch...

Xuất khẩu có thể phục hồi ngay trong tháng 9, tăng trưởng GDP quý III dự báo đạt 4,5-5%

Trong báo cáo mới công bố, Chứng khoán Maybank (MBKE) cho rằng với việc sản xuất công nghiệp được cải thiện, đầu tư công lạc quan và doanh số bán lẻ ổn định, tăng trưởng GDP quý III có thể tăng lên khoảng 4,5%-5% (so với mức tăng 4,1% trong quý II). Hơn nữa, ngày càng có nhiều hy vọng rằng Mỹ (chiếm khoảng 30% xuất khẩu của Việt Nam) có thể tránh được suy thoái kinh tế, do tiêu dùng ổn định và đầu tư tăng tốc nhờ các ưu đãi hào phóng được áp dụng do Đạo luật Giảm lạm phát và Đạo luật CHIPS.

79/85 dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp đã gửi hồ sơ đàm phán với EVN

Ngày 5/9/2023, Bộ Công Thương đã gửi văn bản báo cáo về việc thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ đối với việc đàm phán giá điện, các dự án điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Theo nội dung báo cáo, tính đến hết ngày 25/8/2023, đã có 79/85 dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp với công suất 4.449,86MW (chiếm 94% số dự án) đã nộp hồ sơ đến EVN. Vẫn còn 6 dự án với tổng công suất 284,70 MW (chiếm 6%) chưa gửi hồ sơ đàm phán với EVN, mặc dù đã đôn đốc nhiều lần.

**TIN DOANH NGHIỆP**

Cổ phiếu Gỗ Trường Thành (TTF) tiếp tục vào diện cảnh báo do lỗ lũy kế 3.117,2 tỷ đồng, bằng 75,8% vốn điều lệ

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) quyết định tiếp tục đưa cổ phiếu CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (mã TTF - sàn HoSE) vào diện cảnh báo. Cụ thể, ngày 5/9, HOSE tiếp tục giữ nguyên diện cảnh báo đối với cổ phiếu TTF do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30/6/2023 là âm 3.117,2 tỷ đồng. Trước đó, sau kiểm toán bán niên năm 2023, Công ty Gỗ Trường Thành ghi nhận lợi nhuận sau thuế giảm 11,34 tỷ đồng, về lỗ 39,74 tỷ đồng (trước kiểm toán lỗ 28,4 tỷ đồng).

Doanh thu TNG vượt 4.8 ngàn tỷ sau 8 tháng, phát tín hiệu khả quan cuối năm 2023

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) ghi nhận doanh thu tiêu thụ tháng 8 đạt 721 tỷ đồng, giảm gần 8% so với tháng 7 nhưng cải thiện 3% so với cùng kỳ. Lũy kế doanh thu 8 tháng đầu năm đạt 4,837 tỷ đồng, tăng 132 tỷ (tăng 3%) so với cùng kỳ. Năm 2023, TNG đặt kế hoạch doanh thu 6,800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 299 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với thực hiện năm 2022. Sau 8 tháng, Doanh nghiệp may ở Thái Nguyên thực hiện được 71% kế hoạch doanh thu năm.

VNZ lên lộ trình phát hành gần 2.9 triệu cổ phiếu ESOP đến năm 2027

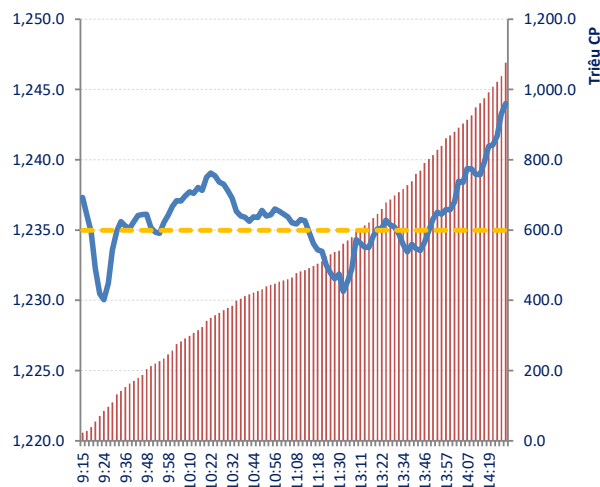
Theo tài liệu ĐHCĐ bất thường lần đầu năm 2023 của CTCP VNG (UPCoM: VNZ), sắp tới doanh nghiệp lên kế hoạch phát hành ESOP mới đến năm 2027 với tổng cộng gần 2.9 triệu cp. Đối với kế hoạch ESOP năm 2023, VNZ dự định phát hành hơn 1 triệu cp (tương ứng gần 3.5% lượng cổ phiếu đang lưu hành), bao gồm 389,296 cp với giá chào bán 30,000 đồng/cp và 613,240 cp với giá 10,000 đồng/cp.

Sau soát xét, TVSI chuyển từ lãi chục tỷ thành lỗ hơn 330 tỷ trong 6 tháng

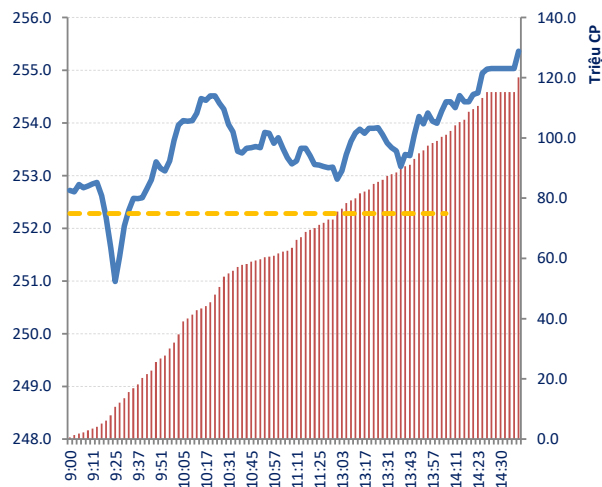
CTCP Chứng khoán Tân Việt (TVSI) vừa công bố BCTC bán niên 2023 soát xét với khoản lỗ sau thuế lên đến 336 tỷ đồng, chênh lệch lớn so với mức lãi 24 tỷ đồng trên BCTC tự lập. Sau soát xét, các chỉ tiêu kinh doanh không có sự thay đổi. Doanh thu hoạt động bán niên ở mức 134 tỷ đồng (giảm 92% so với cùng kỳ) và chi phí hoạt động 75 tỷ đồng (giảm 93%).

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

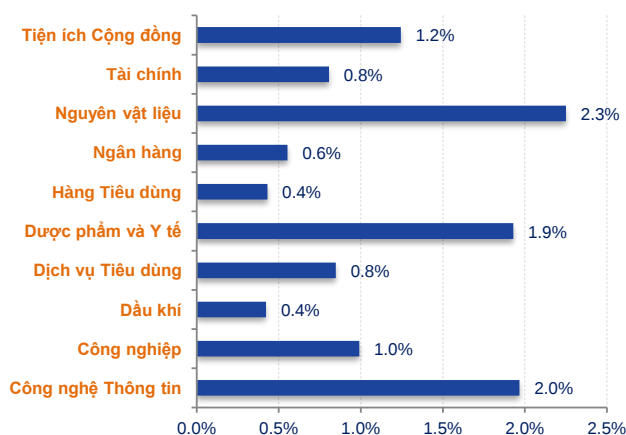
KLGD và VN-Index trong phiên



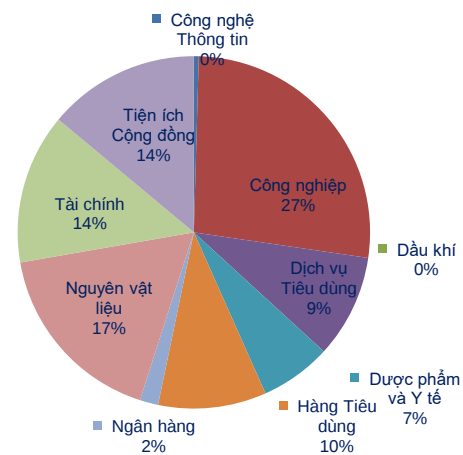
KLGD và HNX-Index trong phiên



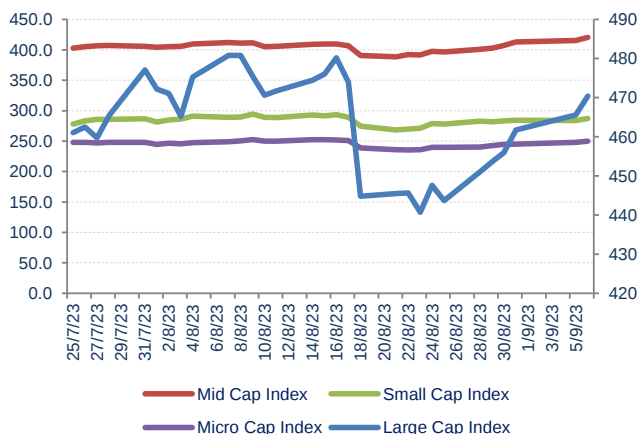
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



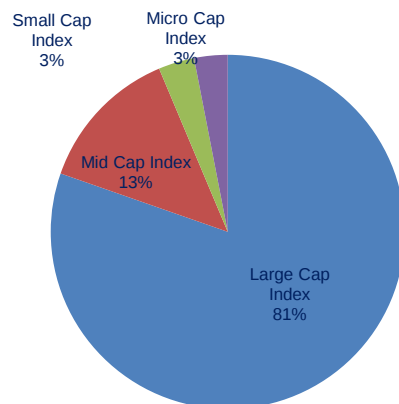
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VPB	20,298,400	HDG	2,788,761	1	SHS	200,136	NVB	100,000
2	TPB	1,145,060	FUESSVFL	1,872,600	2	IDC	196,550	VIG	28,500
3	HDB	858,934	FUEVFNVD	1,815,600	3	PVS	100,462	AMC	19,900
4	OCB	407,700	HPG	1,753,059	4	CEO	13,100	HCC	19,200
5	BSI	393,884	SSI	1,475,350	5	VNR	7,700	PSD	18,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	27.80	29.00	↑ 4.32%	52,984,608	SHS	18.40	19.10	↑ 3.80%	25,485,465
NVL	21.40	21.80	↑ 1.87%	46,478,837	HUT	26.30	28.50	↑ 8.37%	15,092,741
VPB	21.00	21.80	↑ 3.81%	46,167,309	CEO	27.20	27.50	↑ 1.10%	9,612,018
VIX	19.65	20.10	↑ 2.29%	42,709,501	PVS	36.50	36.60	↑ 0.27%	6,021,310
DXG	22.10	22.25	↑ 0.68%	41,865,100	APS	9.50	9.80	↑ 3.16%	4,499,187

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	CMS	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
BMP	87.60	93.70	6.10	↑ 6.96%	TSB	39.10	43.00	3.90	↑ 9.97%
CCL	8.18	8.75	0.57	↑ 6.97%	SDN	27.20	29.90	2.70	↑ 9.93%
SSC	30.90	33.05	2.15	↑ 6.96%	NHC	33.60	36.90	3.30	↑ 9.82%
EVF	12.25	13.10	0.85	↑ 6.94%	VSA	23.50	25.80	2.30	↑ 9.79%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	34.00	32.00	-2.00	↓ -5.88%	BKC	8.40	7.60	-0.80	↓ -9.52%
S4A	32.00	30.30	-1.70	↓ -5.31%	LBE	15.60	14.30	-1.30	↓ -8.33%
TIX	36.00	34.10	-1.90	↓ -5.28%	ONE	6.00	5.50	-0.50	↓ -8.33%
DLG	3.00	2.86	-0.14	↓ -4.67%	SGD	19.40	17.90	-1.50	↓ -7.73%
SC5	21.00	20.05	-0.95	↓ -4.52%	SFN	21.20	19.60	-1.60	↓ -7.55%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	52,984,608	-2.0%	(328)	-	1.7
NVL	46,478,837	-1.3%	(295)	-	1.0
VPB	46,167,309	11.1%	1,728	12.2	1.3
VIX	42,709,501	7.0%	839	23.4	1.6
DXG	41,865,100	-1.4%	(317)	-	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	25,485,465	4.3%	507	36.3	1.5
HUT	15,092,741	1.3%	145	181.8	2.4
CEO	9,612,018	7.7%	982	27.7	2.2
PVS	6,021,310	7.2%	1,953	18.7	1.3
APS	4,499,187	-9.5%	(1,172)	-	0.8

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 7.0%	-0.4%	(48)	-	1.1
BMP	↑ 7.0%	36.6%	12,203	7.2	2.6
CCL	↑ 7.0%	8.2%	995	8.2	0.7
SSC	↑ 7.0%	11.4%	3,191	9.7	1.1
EVF	↑ 6.9%	8.3%	1,031	11.9	1.0

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 10.0%	1.1%	129	116.2	1.4
TSB	↑ 10.0%	4.7%	550	71.1	3.4
SDN	↑ 9.9%	26.7%	10,064	2.7	0.7
NHC	↑ 9.8%	-2.0%	(381)	-	1.8
VSA	↑ 9.8%	9.1%	2,407	9.8	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	20,298,400	11.1%	1,728	12.2	1.3
TPB	1,145,060	18.6%	2,686	7.3	1.4
HDB	858,934	20.3%	2,765	6.2	1.2
OCB	407,700	16.3%	3,041	6.6	1.0
BSI	393,884	5.8%	1,371	26.5	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	200,136	4.3%	507	36.3	1.5
IDC	196,550	20.7%	3,969	12.0	2.5
PVS	100,462	7.2%	1,953	18.7	1.3
CEO	13,100	7.7%	982	27.7	2.2
VNR	7,700	0.0%	(9)	-	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	503,577	23.0%	5,797	15.5	3.3
VHM	240,797	29.1%	10,341	5.3	1.4
BID	240,280	19.0%	4,025	11.8	2.1
VIC	237,608	3.9%	1,395	44.7	1.7
GAS	190,629	20.3%	6,680	14.9	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,446	7.2%	1,953	18.7	1.3
IDC	15,741	20.7%	3,969	12.0	2.5
SHS	14,962	4.3%	507	36.3	1.5
THD	14,130	2.9%	458	80.1	2.3
CEO	13,859	7.7%	982	27.7	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.50	-0.4%	(63)	-	0.8
EVG	2.89	1.3%	157	43.9	0.6
AGM	2.84	-46.1%	(10,046)	-	0.6
LGL	2.72	5.9%	769	7.3	0.4
TGG	2.66	-14.0%	(1,757)	-	0.3

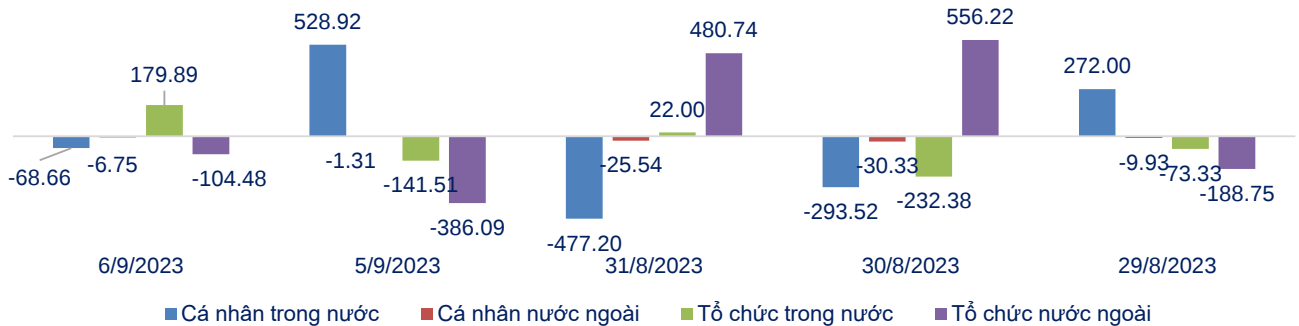
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	4.65	-24.7%	(3,031)	-	0.9
HCT	3.55	1.1%	225	32.0	0.4
IDJ	3.54	5.9%	668	12.0	0.7
VC7	3.47	2.4%	261	109.2	2.6
SDA	3.18	-0.3%	(21)	-	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	95.71	12.4%	2,739	11.2	1.4
HPG	56.43	-2.0%	(328)	-	1.7
KBC	45.78	17.8%	4,373	7.8	1.3
FPT	43.37	22.1%	4,596	21.1	4.3
MSB	43.26	17.5%	2,414	6.2	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-391.21	11.1%	1,728	12.2	1.3
VJC	-86.35	-12.4%	(3,564)	-	3.5
MBB	-27.14	22.3%	3,496	5.5	1.2
HSG	-26.64	-12.5%	(2,114)	-	1.2
PVD	-18.67	1.8%	449	57.7	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	4.84	19.0%	4,025	11.8	2.1
DGC	4.72	36.6%	10,780	8.4	3.0
AAA	4.00	1.2%	205	53.5	0.7
HSG	3.01	-12.5%	(2,114)	-	1.2
VIC	1.24	3.9%	1,395	44.7	1.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-8.11	1.2%	152	190.1	2.2
HPG	-5.09	-2.0%	(328)	-	1.7
DXG	-3.80	-1.4%	(317)	-	1.0
FUEVFNVD	-2.73	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFN30	-2.05	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VJC	75.24	-12.4%	(3,564)	-	3.5
FUEVFNVD	52.53	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	45.89	17.2%	3,601	9.1	1.5
FUESSVFL	36.13	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	25.92	22.3%	3,496	5.5	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-44.63	22.1%	4,596	21.1	4.3
MSB	-43.19	17.5%	2,414	6.2	1.0
VPB	-30.01	11.1%	1,728	12.2	1.3
SBT	-26.64	5.4%	726	22.7	1.2
PNJ	-14.00	20.5%	5,512	14.6	2.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	420.55	11.1%	1,728	12.2	1.3
TPB	22.40	18.6%	2,686	7.3	1.4
BSI	16.25	5.8%	1,371	26.5	1.6
HDB	14.52	20.3%	2,765	6.2	1.2
FTS	14.19	7.5%	1,172	32.8	2.4

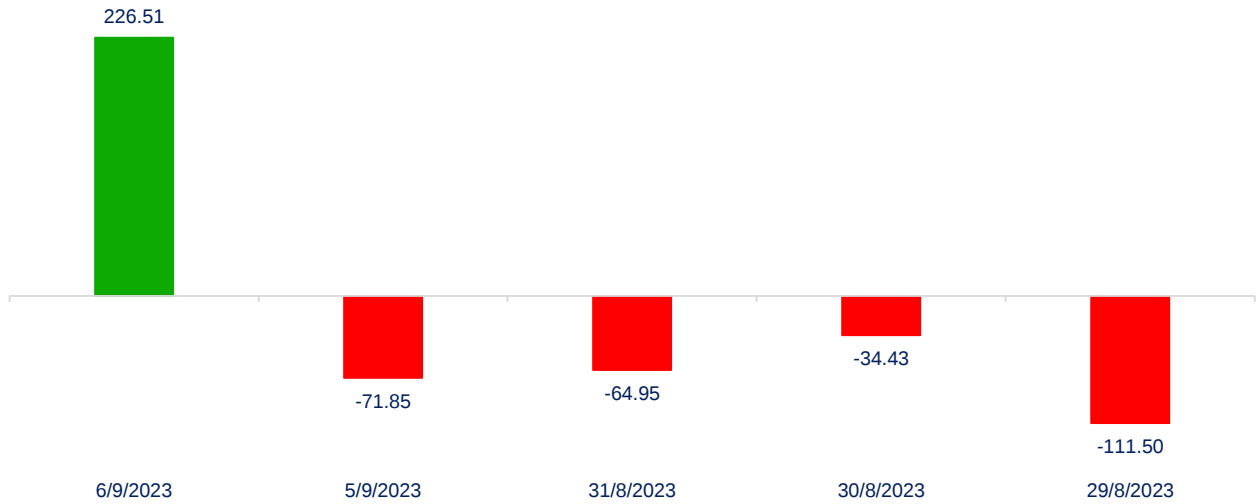
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	-85.08	12.4%	2,739	11.2	1.4
SSI	-49.12	7.3%	1,093	30.5	2.3
FUEVFNVD	-46.92	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	-46.33	17.8%	4,373	7.8	1.3
STB	-44.55	17.2%	3,601	9.1	1.5

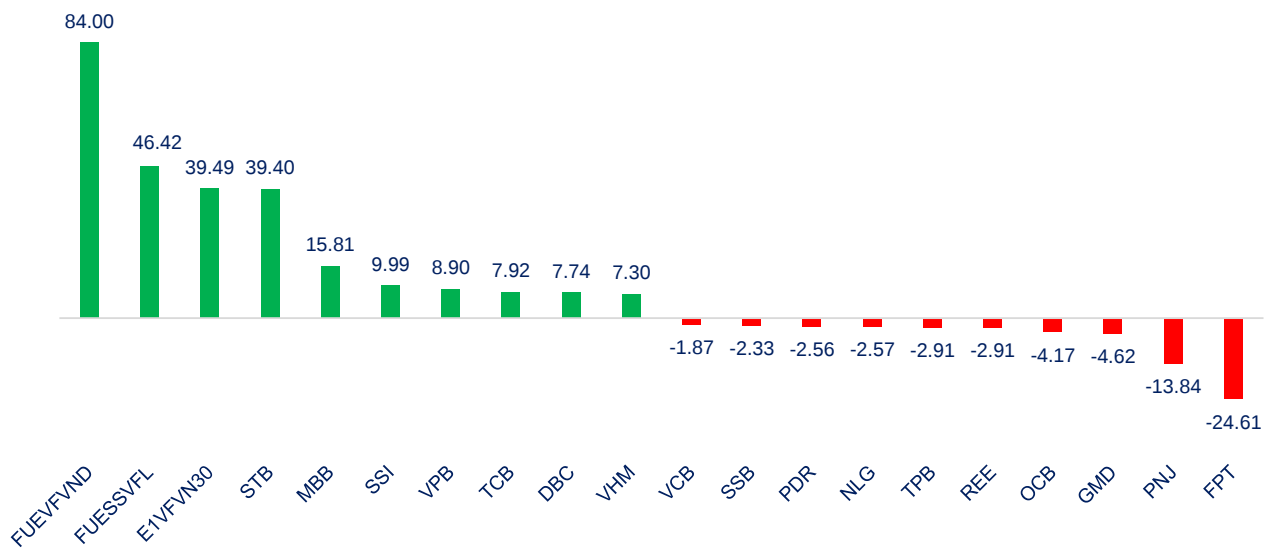


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn